

Số: 15 /2020/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 13 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung chi, mức chi, hỗ trợ thực hiện
nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông;

Căn cứ Thông tư số 28/2019/TT-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông;

Xét Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 17/BC-HĐND-PC ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định một số nội dung chi, mức chi, hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Phước;



b) Những nội dung khác về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Phước không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông và Thông tư số 28/2019/TT-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông và các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các lực lượng tham gia làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông (ngoại trừ lực lượng Thanh tra giao thông trực thuộc Sở Giao thông vận tải);

b) Ban An toàn giao thông tỉnh; Ban An toàn giao thông cấp huyện; Ban An toàn giao thông cấp xã;

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Điều 2. Nội dung chi thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh

1. Chi công tác chỉ đạo, điều hành, đôn đốc việc phối hợp hoạt động của Trưởng, Phó Trưởng ban và thành viên Ban An toàn giao thông tỉnh (trừ Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải), Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh, Trưởng, Phó Trưởng ban và thành viên Ban An toàn giao thông huyện, thị xã, thành phố, Tổ giúp việc Ban An toàn giao thông huyện, thị xã, thành phố.

2. Chi hỗ trợ cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đứng chốt.

3. Chi hỗ trợ bảo đảm trật tự an toàn giao thông cấp xã.

Điều 3. Mức chi, hỗ trợ; nguồn kinh phí thực hiện và định mức phân bổ nguồn kinh phí

1. Mức chi hỗ trợ

a) Chi hỗ trợ cho Ban An toàn giao thông: Căn cứ kinh phí được cấp các đơn vị, địa phương thực hiện mức chi như sau:

- Trưởng, Phó Trưởng Ban An toàn giao thông tỉnh: mỗi tháng không quá 2.000.000 đồng/người/tháng;

- Thành viên Ban An toàn giao thông tỉnh, Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh: mỗi tháng không quá 1.500.000 đồng/người/tháng;

- Trưởng, Phó Trưởng Ban An toàn giao thông huyện, thị xã, thành phố: mỗi tháng không quá 1.000.000 đồng/người/tháng;

- Thành viên Ban An toàn giao thông và Tổ giúp việc Ban An toàn giao thông huyện, thị xã, thành phố: mỗi tháng không quá 500.000 đồng/người/tháng.

b) Chi hỗ trợ cho lực lượng ra quân bảo đảm trật tự an toàn giao thông đứng chốt, mức chi không quá 100.000 đồng/người/ca (01 ca tính 04 giờ trở lên);



c) Ban An toàn giao thông các huyện, thị xã, thành phố hằng năm bố trí kinh phí hỗ trợ cho các xã, phường, thị trấn hoạt động trên địa bàn từ 10.000.000 đồng trở lên/đơn vị, tùy vào tình hình thực tế và khả năng kinh phí được cấp.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn trích xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ hằng năm và các nguồn khác.

3. Mức phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách của tỉnh từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

a) Phân bổ 70% cho Công an tỉnh để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh;

b) Phân bổ 30% cho các lực lượng khác của tỉnh để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Ban ATGT tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *sh*



Hàng Thị Hằng